

Số: /BT-PTP

TP. Lào Cai, ngày tháng 03 năm 2024

BẢN TIN PHÁP LUẬT **(Tuần 09)**

Thực hiện Chương trình công tác về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024 trên địa bàn thành phố Lào Cai. Phòng Tư pháp thành phố Lào Cai tổng hợp một số nội dung các văn bản mới được các cơ quan nhà nước cấp trên ban hành, cụ thể như sau:

I. Những chính sách mới nổi bật có hiệu lực từ cuối tháng 02/2024

1. Nguyên tắc đăng kiểm tàu quân sự:

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư 02/2024/TT-BQP về công tác đăng kiểm tàu quân sự. Theo đó, nguyên tắc đăng kiểm tàu quân sự được quy định như sau:

- Tàu quân sự đóng mới, hoán cải, hiện đại hóa, mua sắm, nhập khẩu, tiếp nhận, sửa chữa và đang khai thác sử dụng phải được cơ sở đăng kiểm kiểm tra, cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định của tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và điều ước quốc tế liên quan, quy định của Nhà nước, Bộ Quốc phòng.

- Công tác đăng kiểm tàu quân sự bảo đảm tính độc lập, trung thực, khách quan, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ và tuân thủ Quy định của tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và điều ước quốc tế liên quan, quy định của Nhà nước, Bộ Quốc phòng hoặc tiêu chuẩn khác được Bộ Quốc phòng chấp nhận.

- Công tác đăng kiểm tàu quân sự do cơ quan đăng kiểm, cơ sở đăng kiểm trong Quân đội thực hiện. Tổ chức đăng kiểm ngoài Quân đội (sau đây gọi tắt là tổ chức đăng kiểm) chỉ được thực hiện đăng kiểm tàu quân sự khi Bộ Quốc phòng cho phép.

- Cơ sở đăng kiểm và đăng kiểm viên tàu quân sự chỉ được thực hiện các nội dung đăng kiểm theo phạm vi, nhiệm vụ được giao; phù hợp với lĩnh vực, chuyên ngành đăng kiểm được cấp có thẩm quyền công nhận.

- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan phải chấp hành nghiêm các nội dung công tác đăng kiểm tàu quân sự theo quy định của Nhà nước, Bộ Quốc phòng và quy định về bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật quân sự.

- Hoạt động kiểm tra của đăng kiểm không làm thay đổi công việc cũng như không thay cho trách nhiệm của cơ quan kiểm tra kỹ thuật, kiểm tra chất lượng thuộc đơn vị sử dụng, cơ sở đóng và sửa chữa, cơ sở chế tạo sản phẩm công nghiệp dùng cho đóng và sửa chữa tàu quân sự.

Thông tư 02/2024/TT-BQP có hiệu lực từ ngày 27/02/2024.

2. Quy định về công tác thi đua, khen thưởng ngành Ngân hàng:

Thông tư 25/2023/TT-NHNN quy định về công tác thi đua, khen thưởng ngành Ngân hàng do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 31/12/2023.

Thông tư 25/2023/TT-NHNN quy định về công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Ngân hàng gồm các nội dung sau: đối tượng thi đua, khen thưởng; trách nhiệm tổ chức phong trào thi đua; tiêu chuẩn danh hiệu Lao động tiên tiến, Tập thể lao động tiên tiến, Tập thể lao động xuất sắc, Cờ thi đua của Ngân hàng Nhà nước, hình thức khen thưởng Bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, Giấy khen, Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Ngân hàng Việt Nam”; thẩm quyền quyết định khen thưởng, thủ tục đề nghị khen thưởng; thời gian nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng; Hội đồng Thi đua khen thưởng và Hội đồng sáng kiến các cấp; quyền và nghĩa vụ của tập thể, cá nhân được khen thưởng.

Trong đó, Danh hiệu “Lao động tiên tiến” ngành Ngân hàng được quy định như sau:

- Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng hằng năm cho các cá nhân trong ngành Ngân hàng chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định, quy chế của ngành Ngân hàng, địa phương, của đơn vị và đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật Thi đua, khen thưởng.

- Cá nhân có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản, dẫn đến bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

- Đối với cá nhân chuyển công tác, đơn vị mới có trách nhiệm bình xét, tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”. Trường hợp có thời gian công tác ở đơn vị cũ từ 6 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của đơn vị cũ. Trường hợp cá nhân được điều động, biệt phái đến cơ quan, tổ chức, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc bình xét, tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” do cơ quan, tổ chức, đơn vị điều động, biệt phái xem xét quyết định và được cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái xác nhận.

- Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn trong nước hoặc nước ngoài dưới 01 năm, chấp hành tốt các quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại đơn vị để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”. Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng trong nước hoặc nước ngoài từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì được tính vào thời gian để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

- Không xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” đối với cá nhân thuộc một trong các trường hợp: mới tuyển dụng dưới 10 tháng, bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

Thông tư 25/2023/TT-NHNN có hiệu lực từ ngày 28/02/2024.

II. Những chính sách mới ban hành

1. Luật Đất đai 2024 thay thế Luật Đất đai 2013

Ngày 18/01/2024, tại Kỳ họp bất thường lần thứ 5, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật Đất đai 2024 thay thế Luật Đất đai 2013. Theo đó, Luật Đất đai 2024 có những nội dung đáng chú ý như sau:

Thứ nhất, Luật mới cho phép mở rộng hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân đối với mỗi loại đất không quá 15 lần thay vì 10 lần như Luật Đất đai 2013 (theo quy định tại khoản 1 Điều 177 Luật Đất đai 2024).

Thứ hai, nhà nước thu hồi đất trong trường hợp thật cần thiết để thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng nhằm phát huy nguồn lực đất đai, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng hiện đại, thực hiện chính sách an sinh xã hội, bảo vệ môi trường và bảo tồn di sản văn hóa trong các trường hợp tại Điều 79 Luật Đất đai 2024.

Thứ ba, bãi bỏ quy định về khung giá đất; và ban hành Bảng giá đất hằng năm.

Thứ tư, quy định 05 phương pháp định giá đất tại khoản 5 Điều 158 Luật Đất đai 2024 (Luật Đất đai 2013 không quy định phương pháp định giá đất)

Thứ năm, quy định cụ thể việc giao đất, cho thuê đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất tại Chương IX Luật Đất đai 2024 như sau:

- Việc “giao đất, cho thuê đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất” đối với “đất sạch” do Nhà nước tạo lập, hoặc

- Việc “giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất” đối với “đất chưa giải phóng mặt bằng” mà “nhà đầu tư trúng đấu thầu có trách nhiệm ứng vốn để thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền” và trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày ban hành quyết định công nhận kết quả trúng đấu thầu hoặc thời hạn khác theo hợp đồng đã ký kết với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phải thực hiện xong việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để giao đất, cho thuê đất đối với nhà đầu tư trúng đấu thầu.

- Việc “giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất” đối với “đất chưa giải phóng mặt bằng”.

Xem thêm tại Luật Đất đai 2024 có hiệu lực từ ngày 01/01/2025, riêng Điều 190 và Điều 248 của Luật này sẽ có hiệu lực từ ngày 01/4/2024. Khoản 9 Điều 60 Luật Đất đai 2024 có hiệu lực thi hành từ ngày Nghị quyết 61/2022/QH15 hết hiệu lực.

2. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng trong việc bảo vệ quyền lợi của khách hàng

Ngày 18/01/2024, tại kỳ họp bất thường lần thứ 05, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật Các tổ chức tín dụng 2024. Theo đó, trách nhiệm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong việc bảo vệ quyền lợi của khách hàng bao gồm:

- Tham gia bảo hiểm tiền gửi, quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân theo quy định của pháp luật và công bố công khai việc tham gia bảo hiểm tiền gửi tại trụ sở chính và chi nhánh.

- Tạo thuận lợi cho khách hàng gửi và rút tiền, bảo đảm thanh toán đủ, đúng hạn tiền gốc, lãi của khoản tiền gửi theo thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật.

- Từ chối việc điều tra, phong tỏa, cầm giữ, trích chuyển tiền gửi của khách hàng, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

- Công bố công khai lãi suất tiền gửi, phí dịch vụ, quyền, nghĩa vụ của khách hàng đối với từng loại sản phẩm, dịch vụ đang cung ứng.

- Công bố công khai thời gian giao dịch chính thức.

Trường hợp ngừng giao dịch tại một hoặc một số địa điểm thực hiện giao dịch trong thời gian giao dịch chính thức hoặc ngừng giao dịch bằng phương tiện điện tử, chậm nhất là 24 giờ trước thời điểm ngừng giao dịch, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải niêm yết thông tin về ngừng giao dịch tại địa điểm giao dịch hoặc trên trang thông tin điện tử của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Trường hợp ngừng giao dịch do sự kiện bất khả kháng, chậm nhất là 24 giờ sau thời điểm ngừng giao dịch, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải niêm yết thông tin về ngừng giao dịch tại địa điểm giao dịch hoặc trên trang thông tin điện tử của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Luật Các tổ chức tín dụng 2024 có hiệu lực từ 01/07/2024, trừ khoản 3 Điều 200 và khoản 15 Điều 210 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 có hiệu lực từ ngày 01/01/2025.

Luật Các tổ chức tín dụng 2010 (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 17/2017/QH14) hết hiệu lực kể từ ngày Luật Các tổ chức tín dụng 2024 có hiệu lực thi hành, trừ quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 8, 9, 12 và 14 Điều 210 Luật Các tổ chức tín dụng 2024.

3. Đối tượng được xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Quốc hội Việt Nam”

Ủy ban Thường vụ Quốc hội vừa thông qua Nghị quyết 43/2024/UBTVQH15 ngày 05/02/2024 quy định về Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Quốc hội Việt Nam”. Theo đó xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Quốc hội Việt Nam” cho những đối tượng sau:

- Lãnh đạo, nguyên lãnh đạo Đảng, Nhà nước; lãnh đạo Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

- Lãnh đạo các Bộ, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương; lãnh đạo tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Tổng Thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội và Trưởng Ban thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Nguyên Chủ tịch Quốc hội, nguyên Phó Chủ tịch Quốc hội, nguyên Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nguyên Tổng Thư ký Quốc hội, nguyên Chủ nhiệm

Văn phòng Quốc hội, nguyên Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, nguyên Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội và nguyên Trưởng Ban thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Đại biểu Quốc hội.

- Lãnh đạo Văn phòng Quốc hội, lãnh đạo cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội và cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Công chức, viên chức, người lao động của Văn phòng Quốc hội, Viện Nghiên cứu lập pháp, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Công dân Việt Nam không thuộc đối tượng quy định trên.

- Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài.

Đối tượng chưa hoặc không xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Quốc hội Việt Nam”

Đối tượng chưa xét tặng Kỷ niệm chương bao gồm:

- Cá nhân trong thời gian cơ quan có thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật hoặc điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo, có vấn đề tham nhũng, tiêu cực đang được xác minh làm rõ;

- Cá nhân đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang trong thời gian thi hành kỷ luật.

Đối tượng không xét tặng Kỷ niệm chương bao gồm:

- Đại biểu Quốc hội bị bãi nhiệm; công chức, viên chức bị buộc thôi việc; người lao động quy của Văn phòng Quốc hội, Viện Nghiên cứu lập pháp, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương bị xử lý kỷ luật sa thải;

- Cá nhân đã bị kết tội bằng bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

Xem thông tin tại Nghị quyết 43/2024/UBTVQH15 ngày 05/02/2024.

4. Biểu mức thu phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản

Ngày 05/02/2024, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư 10/2024/TT-BTC quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản. Theo đó, biểu mức thu phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản được quy định như sau:

Mức thu phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản

Dựa vào tổng chi phí thăm dò khoáng sản thực tế thì mức phí được thu được như sau:

- Đến 01 tỷ đồng: 10 triệu đồng;

- Trên 01 đến 10 tỷ đồng: 10 triệu đồng + (0,5% x phần tổng chi phí trên 1 tỷ đồng);

- Trên 10 đến 20 tỷ đồng: 55 triệu đồng + (0,3% x phần tổng chi phí trên 10 tỷ đồng);

- Trên 20 tỷ đồng: 85 triệu đồng + (0,2% x phần tổng chi phí trên 20 tỷ đồng).

Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản

- Đối với hoạt động thăm dò:

+ Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha), mức thu là 4.000.000 đồng/01 giấy phép.

+ Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 10.000.000 đồng/01 giấy phép.

+ Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép.

- Đối với hoạt động khai thác:

+ Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối:

++ Có công suất khai thác dưới 5.000 m³/năm: 1.000.000 đồng/01 giấy phép;

++ Có công suất khai thác từ 5.000 m³ đến 10.000 m³/năm: 10.000.000 đồng/01 giấy phép;

++ Có công suất khai thác trên 10.000 m³/năm: 15.000.000 đồng/01 giấy phép.

+ Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, trừ các loại đã quy định tại điểm 1 của Biểu mức thu này

++ Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm: Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm: 15.000.000 đồng/01 giấy phép;

++ Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm 1 của Biểu mức thu này: 20.000.000 đồng/01 giấy phép;

++ Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm 1 của Biểu mức thu này: 30.000.000 đồng/01 giấy phép.

+ Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng: 40.000.000 đồng/01 giấy phép.

+ Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, điểm 2, điểm 3, điểm 6, điểm 7 của Biểu mức thu này.

++ Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp: 40.000.000 đồng/01 giấy phép;

++ Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp: 50.000.000 đồng/01 giấy phép.

+ Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, điểm 3, điểm 6, điểm 7 của Biểu mức thu này: 60.000.000 đồng/01 giấy phép.

+ Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm: 80.000.000 đồng/01 giấy phép.

+ Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại: 100.000.000 đồng/01 giấy phép.

+ Khai thác tận thu: Mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép.

+ Trường hợp cấp gia hạn giấy phép, cấp lại giấy phép khi chuyển nhượng: Mức thu bằng 50% mức thu lệ phí tương ứng với các mức thu nêu trên.

Xem thêm tại Thông tư 10/2024/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 21/3/2024.

5. Bảng mã số HS với danh mục hàng hóa nhập khẩu phải kiểm tra chuyên ngành trước thông quan thuộc quản lý của Bộ NN&PTNT

Thông tư 01/2024/TT-BNNPTNT ngày 02/02/2024 về Bảng mã số HS đối với danh mục hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và danh mục hàng hóa xuất, nhập khẩu phải kiểm tra chuyên ngành trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn. Theo đó, Bảng mã số HS đối với danh mục hàng hóa nhập khẩu phải kiểm tra chuyên ngành trước thông quan thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được ban hành kèm theo Phụ lục II Thông tư 01/2024/TT-BNNPTNT ngày 02/02/2024.

Đơn cử, tên sản phẩm kèm mã HS với nhóm động vật, sản phẩm động vật trên cạn được quy định như sau:

- Ngựa, lừa, la sống (01.01);
- Động vật sống họ trâu bò (01.02);
- Lợn sống (01.03);
- Cừu, dê sống (01.04);
- Gia cầm sống, gồm các loại gà thuộc loài Gallus domesticus, vịt, ngan, ngỗng, gà tây và gà lôi (01.05);
- Động vật sống khác (01.06);
- Thịt của động vật họ trâu bò, tươi hoặc ướp lạnh (02.01);
- Thịt của động vật họ trâu bò, đông lạnh (02.02);
- Thịt lợn, tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh (02.03);
- Thịt cừu hoặc dê, tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh (02.04);
- Thịt ngựa, lừa, la, tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh (0205.00.00);...

Xem chi tiết nội dung tại Phụ lục II Thông tư 01/2024/TT-BNNPTNT ngày 02/02/2024.

Quy định sử dụng danh mục hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ NN&PTNT

- Danh mục hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã xác định mã hàng ban hành kèm theo Thông tư 01/2024/TT-BNNPTNT là cơ sở để tổ chức, cá nhân thực hiện khai báo hải quan khi xuất khẩu, nhập khẩu vào Việt Nam.

- Khi xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa trong lĩnh vực nông nghiệp nhưng chưa có mã hàng trong Danh mục ban hành kèm theo Thông tư này, việc khai báo hải quan thực hiện theo mô tả thực tế hàng hóa và Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập

khẩu Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 31/2022/TT-BTC ngày 08/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Sau khi thông quan các tổ chức, cá nhân có văn bản gửi về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để phối hợp với Bộ Tài chính xem xét thống nhất, cập nhật và ban hành Danh mục bổ sung.

- Việc kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện theo đề nghị của doanh nghiệp, phục vụ việc thông quan hàng hóa tại nước nhập khẩu.

Thông tư 01/2024/TT-BNNPTNT có hiệu lực từ ngày 20/3/2024.

6. Bảo đảm điều kiện để tổ chức triển khai thu thập móng mắt, ADN, giọng nói để làm thẻ căn cước

Ngày 14/02/2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 175/QĐ-TTg về Kế hoạch triển khai thi hành Luật Căn cước 2023. Theo đó, nội dung của Kế hoạch triển khai thi hành Luật Căn cước 2023 đơn cử như:

- Bảo đảm điều kiện về phương tiện, giải pháp kỹ thuật để tổ chức triển khai việc thu nhận sinh trắc học về móng mắt, ADN, giọng nói; tích hợp, khai thác thông tin trong thẻ căn cước và căn cước điện tử; mở rộng việc kết nối, chia sẻ thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước.

Nội dung: Đề xuất các giải pháp về công nghệ, đầu tư trang thiết bị, nâng cấp hệ thống lưu trữ, xử lý để triển khai thu nhận móng mắt; tích hợp thông tin vào thẻ căn cước, căn cước điện tử và sử dụng, khai thác thông tin được tích hợp; thu thập, khai thác, sử dụng thông tin sinh trắc học về móng mắt, ADN, giọng nói theo quy định của Luật Căn cước 2023; mở rộng việc kết nối, chia sẻ thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước.

Cơ quan chủ trì: Bộ Công an.

Cơ quan phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Quốc phòng, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và cơ quan, tổ chức có liên quan.

Thời gian thực hiện: Năm 2024 và các năm tiếp theo.

- Tổ chức triển khai việc kết nối, chia sẻ thông tin với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước

Nội dung: Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu khác theo quy định của Luật Căn cước 2023 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành có liên quan; bảo đảm an ninh, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Cơ quan chủ trì: Bộ Công an và các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, cơ quan, tổ chức khác có liên quan.

Thời gian thực hiện: Hằng năm.

Xem chi tiết tại Quyết định 175/QĐ-TTg có hiệu lực từ ngày 14/02/2024.

7. Kế hoạch triển khai thi hành Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở 2023

Ngày 14/02/2024, Thủ tướng Chính Phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở 2023 kèm theo Quyết định 176/QĐ-TTg. Theo đó, Kế hoạch triển khai thi hành Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở 2023 gồm những nội dung đơn cử như sau:

(1) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

- Cơ quan thực hiện: Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông; Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam và các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình khác.

- Cơ quan phối hợp: Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Thời gian thực hiện: Năm 2024 và các năm tiếp theo.

(2) Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ, chiến sĩ Công an các đơn vị, địa phương có liên quan đến việc triển khai thi hành Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở 2023.

- Cơ quan chủ trì: Bộ Công an.

- Thời gian thực hiện: Năm 2024 và các năm tiếp theo.

(3) Biên soạn tài liệu phục vụ phổ biến Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở 2023 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành Luật.

- Cơ quan thực hiện: Bộ Công an.

- Thời gian thực hiện: Năm 2024 và các năm tiếp theo.

(4) Rà soát văn bản quy phạm pháp luật.

(5) Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết các nội dung được giáo trong Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở 2023.

(6) Xây dựng phương án kiện toàn thống nhất tổ chức lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở 2023 (kiện toàn thống nhất lực lượng bảo vệ dân phố, Công an xã bán chuyên trách đang được tiếp tục sử dụng và đội trưởng, đội phó đội dân phòng) bảo đảm tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, thống nhất cùng với thời điểm Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở 2023 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

- Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Thời hạn hoàn thành: Trước tháng 6 năm 2024.

(7) Tổ chức kiểm tra thi hành Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở 2023 và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành Luật.

- Cơ quan chủ trì: Bộ Công an.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Tư pháp và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Năm 2024 và các năm tiếp theo.

Xem chi tiết tại Quyết định 176/QĐ-TTg có hiệu lực kể từ ngày 14/02/2024.

8. Các mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia từ 01/01/2024

Ngày 15/02/2024, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Thông tư 01/2024/TT-BKHĐT hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Theo đó, các mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia từ 01/01/2024 sẽ bao gồm các nhóm mẫu sau đây:

- (1) Mẫu lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, gồm: Mẫu 1A, Mẫu 1B và Mẫu 1C;
 - (2) Mẫu lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gồm: Mẫu 2A, Mẫu 2B và Mẫu 2C;
 - (3) Mẫu đối với gói thầu xây lắp, gồm: Mẫu 3A, Mẫu 3B và Mẫu 3C;
 - (4) Mẫu đối với gói thầu mua sắm hàng hóa (bao gồm cả trường hợp mua sắm tập trung), gồm: Mẫu 4A, Mẫu 4B và Mẫu 4C;
 - (5) Mẫu đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn, gồm: Mẫu 5A, Mẫu 5B và Mẫu 5C;
 - (6) Mẫu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn, gồm: Mẫu 6A, Mẫu 6B;
 - (7) Mẫu đối với gói thầu mua thuốc, gồm: Mẫu 7A, Mẫu 7B;
 - (8) Các loại mẫu báo cáo đánh giá, gồm: Mẫu 8A, Mẫu 8B, Mẫu 8C và Mẫu 8D;
- Đối tượng áp dụng các mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia gồm:

- Tổ chức, cá nhân liên quan đến việc lựa chọn nhà thầu thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại Điều 1 Thông tư 01/2024/TT-BKHĐT.

- Tổ chức, cá nhân có hoạt động lựa chọn nhà thầu không thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại Điều 1 Thông tư 01/2024/TT-BKHĐT nhưng chọn áp dụng quy định của Thông tư 01/2024/TT-BKHĐT. Trong trường hợp này, quy trình thực hiện theo Hướng dẫn sử dụng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Xem chi tiết quy định tại Thông tư 01/2024/TT-BKHĐT có hiệu lực từ ngày 15/02/2024. Đối với các nội dung về quy định chung; cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và nội dung các mẫu hồ sơ đấu thầu, Phụ lục có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2024.

Kể từ ngày 01/01/2024, Thông tư 08/2022/TT- BKHĐT quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và Thông tư 10/2015/TT-BKHĐT quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu hết hiệu lực thi hành.

9. Cấu trúc chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng trong giáo dục nghề nghiệp từ ngày 05/4/2024

Ngày 19/02/2024, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư 01/2024/TT-BLĐTBXH quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình. Theo đó, cấu trúc chương trình đào tạo theo từng ngành, nghề trình độ trung cấp, cao đẳng trong giáo dục nghề nghiệp từ ngày 05/4/2024 bao gồm:

- Tên ngành, nghề đào tạo;
- Mã ngành, nghề (đối với những ngành nghề trong Danh mục);
- Trình độ đào tạo;
- Đối tượng tuyển sinh;
- Thời gian khóa học (năm học);
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học (giờ, tín chỉ);
- Giới thiệu chương trình/mô tả ngành, nghề đào tạo;
- Mục tiêu đào tạo;
- Bảng tổng hợp năng lực của ngành, nghề trong chương trình đào tạo;
- Danh mục và thời lượng các môn học, mô đun (bắt buộc, tự chọn);
- Chương trình chi tiết các môn học, mô đun (bắt buộc, tự chọn);
- Hướng dẫn sử dụng chương trình.

Đơn vị thời gian và quy đổi thời gian chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng trong giáo dục nghề nghiệp

Thời gian học tập được tính bằng giờ và quy đổi ra tín chỉ để xác định khối lượng học tập tối thiểu theo quy định của Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Đơn vị thời gian trong chương trình đào tạo được tính quy đổi như sau:

- Một giờ học lý thuyết là 45 phút, một giờ học thực hành/tích hợp/thực tập là 60 phút.

- Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết; hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận; hoặc bằng 45 giờ thực tập, làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, khóa luận tốt nghiệp. Thời gian người học tự học, tự chuẩn bị có hướng dẫn là điều kiện cần để người học có thể tiếp thu được kiến thức, kỹ năng của nghề nhưng không được tính để quy đổi ra tín chỉ trong chương trình đào tạo.

- Số lượng tín chỉ trong mỗi môn học, mô đun và trong chương trình đào tạo được tính làm tròn là số nguyên, trường hợp không thể làm tròn thì có thể quy đổi thành số tín chỉ lẻ, thập phân.

- Khối lượng học tập đối với các môn học chung theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội được quy đổi thành tín chỉ tại Phụ lục 05 kèm theo Thông tư 01/2024/TT-BLĐTBXH.

Xem chi tiết tại Thông tư 01/2024/TT-BLĐTBXH có hiệu lực từ ngày 05/04/2024 và thay thế Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017.

10. Mức thu phí tham khảo tài liệu địa chất, khoáng sản từ ngày 21/3/2024

Ngày 05/02/2024, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư 11/2024/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu địa chất, khoáng sản.

Thông tư 11/2024/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu địa chất, khoáng sản.

Thông tư 11/2024/TT-BTC áp dụng đối với người nộp phí; tổ chức thu phí; tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu địa chất, khoáng sản.

Mức thu phí tham khảo tài liệu địa chất, khoáng sản từ ngày 21/3/2024

Mức thu phí khai thác và sử dụng tài liệu địa chất, khoáng sản được quy định tại Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Thông tư 11/2024/TT-BTC. Trong đó, mức thu phí tham khảo tài liệu địa chất, khoáng sản như sau:

- Thư mục báo cáo: 6.000 đồng/lần.
- Thuyết minh, phụ lục báo cáo: 9.000 đồng/quyển.
- Bản vẽ báo cáo: 8.500 đồng/bản vẽ.

Người nộp phí khai thác và sử dụng tài liệu địa chất, khoáng sản

Người nộp phí theo quy định tại Thông tư 11/2024/TT-BTC là tổ chức, cá nhân có đề nghị khai thác và sử dụng tài liệu địa chất, khoáng sản đến cơ quan có thẩm quyền cung cấp tài liệu địa chất, khoáng sản theo quy định của pháp luật.

Kê khai, nộp phí khai thác và sử dụng tài liệu địa chất, khoáng sản

- Người nộp phí thực hiện nộp phí khi nhận kết quả tài liệu địa chất, khoáng sản từ cơ quan cung cấp tài liệu địa chất, khoáng sản; phí nộp cho tổ chức thu phí theo hình thức quy định tại Thông tư 74/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hình thức, thời hạn thu, nộp, kê khai các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quy định của Bộ Tài chính.

- Chậm nhất ngày 05 hàng tháng, tổ chức thu phí nộp toàn bộ số phí thu được của tháng trước vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách của tổ chức thu phí mở tại Kho bạc Nhà nước. Tổ chức thu phí thực hiện kê khai, thu, nộp và quyết toán phí theo quy định tại Thông tư 74/2022/TT-BTC.

Xem chi tiết tại Thông tư 11/2024/TT-BTC có hiệu lực kể từ ngày 21/3/2024.

11. Rà soát, xử lý trường hợp đã hưởng BHXH một lần không đúng quy định

Ngày 05/02/2024, Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành Công văn 333/BHXH-CSXH hướng dẫn giải quyết hưởng bảo hiểm xã hội một lần. Theo đó, để việc giải quyết chế độ, chính sách đúng quy định của pháp luật, kịp thời thu hồi về quỹ BHXH khi phát hiện Quyết định hưởng không đúng chế độ; BHXH Việt Nam đề nghị BHXH các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (BHXH tỉnh) rà soát, xử lý đối với các trường hợp đã hưởng BHXH một lần không đúng quy định của Luật Bảo hiểm xã hội 2006, Luật Bảo hiểm xã hội 2014, Nghị quyết 93/2015/QH13 ngày 22/6/2015, Nghị định 115/2015/NĐ-CP, Nghị định 134/2015/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn, cụ thể như sau:

- Đối với các trường hợp hưởng BHXH một lần không đúng quy định, BHXH tỉnh/BHXH quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (BHXH huyện) ban hành Quyết định hưởng BHXH một lần (Quyết định) theo phân cấp giải quyết (sau đây gọi chung là nơi giải quyết) phối hợp với BHXH tỉnh/huyện có liên quan (nếu có) xác định cụ thể nguyên nhân, thực hiện như sau:

+ BHXH tỉnh/huyện nơi giải quyết thực hiện hủy Quyết định hưởng BHXH một lần và Quyết định điều chỉnh mức hưởng trên cơ sở chỉ số giá tiêu dùng của từng thời kỳ (nếu có) và thu hồi số tiền đã chi không đúng về quỹ BHXH.

+ Khi phát hiện người hưởng BHXH một lần không đúng quy định do BHXH tỉnh/huyện khác giải quyết thì BHXH tỉnh/huyện nơi phát hiện thông báo trên phần mềm xét duyệt chính sách (TCS) cho BHXH tỉnh/huyện nơi giải quyết.

+ Ngày đầu tháng sau lập báo cáo kết quả rà soát, thu hồi BHXH một lần hưởng không đúng quy định theo Thông báo kết quả kiểm toán 702/TB-KTNN ngày 25/12/2019, 702/TB-KTNN ngày 02/12/2022 của Kiểm toán Nhà nước và các trường hợp thu hồi khác của tháng trước theo nội dung nêu tại điểm 1.1 khoản 1, mẫu tại Phụ lục I, II kèm Công văn 333/BHXH-CSXH, ký số trên phần mềm TCS.

- Trường hợp phát hiện người có nhiều mã số BHXH hoặc có thời gian đóng BHXH không đúng quy định đã hưởng BHXH một lần (đóng không đúng đối tượng, trùng quá trình tham gia BHXH) thì thực hiện hủy Quyết định hưởng, thu hồi số tiền đã chi theo quy định tại khoản 1 Công văn 333/BHXH-CSXH và hoàn trả số tiền đã đóng BHXH, bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) không đúng quy định, đồng thời thu hồi tiền hưởng chế độ ốm đau, thai sản, dưỡng sức, phục hồi sức khỏe, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, BHTN phát sinh do quá trình đóng BHXH, BHTN không đúng quy định đó (nếu có).

- Trường hợp phát hiện có tình trạng mượn hồ sơ tư pháp để giao kết hợp đồng lao động và tham gia BHXH, BHTN thì căn cứ quy định của pháp luật (Bộ luật Lao động 2019, Bộ luật Dân sự 2015), hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền và của BHXH Việt Nam để xem xét, xử lý theo quy định.

- Giám đốc BHXH các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo, quán triệt đến các phòng, bộ phận nghiệp vụ và công chức, viên chức các giải pháp để đảm bảo thực hiện đúng quy định của chính sách, hạn chế tối đa việc hủy quyết định, thu hồi số tiền BHXH đã chi trả.

Xem chi tiết tại Công văn 333/BHXH-CSXH có hiệu lực từ ngày 05/02/2024.

12. Phê duyệt Đề án Hội Nông dân Việt Nam tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp đến 2030

Ngày 20/02/2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 182/QĐ-TTg phê duyệt Đề án Hội Nông dân Việt Nam tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp đến năm 2030.

* Phạm vi thực hiện Đề án: Trên địa bàn của 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

* Đối tượng của Đề án

+ Tổ hợp tác (THT), hợp tác xã (HTX) trong nông nghiệp do Hội Nông dân vận động, hướng dẫn, hỗ trợ thành lập; người quản lý, điều hành và các thành viên, hội viên nông dân tham gia THT, HTX trong nông nghiệp.

+ Hội viên, nông dân có nhu cầu tham gia phát triển kinh tế tập thể (KTTT) trong nông nghiệp.

+ Các chi Hội Nông dân nghề nghiệp, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp.

+ Cán bộ Hội Nông dân các cấp, các tổ chức và cá nhân có liên quan.

* Thời gian thực hiện, gồm 02 giai đoạn:

+ Giai đoạn 1: Đến năm 2025.

+ Giai đoạn 2: Từ năm 2026 đến năm 2030.

* Kinh phí thực hiện Đề án

1) Nguồn vốn thực hiện Đề án bao gồm:

- Vốn ngân sách trung ương: Bố trí trong dự toán ngân sách chi thường xuyên hàng năm cho các cơ quan thực hiện Đề án và lồng ghép từ Chương trình hỗ trợ phát triển KTTT, HTX; các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 và giai đoạn 2026 - 2030; các chương trình, dự án có liên quan khác.

- Vốn ngân sách địa phương.

- Vốn tín dụng (bao gồm: Vốn tín dụng từ Ngân hàng Chính sách xã hội, Quỹ Hỗ trợ phát triển HTX, Quỹ Hỗ trợ nông dân theo quy định của pháp luật).

- Vốn của doanh nghiệp, HTX, THT, hộ gia đình tự huy động.

- Các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

2) Kinh phí quản lý, giám sát thực hiện Đề án: Được trích từ nguồn ngân sách nhà nước phân bổ chi thường xuyên và vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giao hàng năm cho các cấp Hội Nông dân.

3) Cơ chế tài chính của Đề án: Thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và cơ chế tài chính các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, đề án, dự án có liên quan.

Xem chi tiết tại Quyết định 182/QĐ-TTg có hiệu lực từ ngày 20/02/2024.

13. Năm 2024, Tổng cục Thuế sẽ phổ biến các văn bản QPPL mới về thuế cho NNT

Đây là nội dung tại Quyết định 183/QĐ-TCT ngày 07/02/2024 về Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật; hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2024. Theo đó, cơ quan thuế sẽ phổ biến các văn bản QPPL về thuế cho người nộp thuế (NNT), công chức thuế và cộng đồng xã hội, bao gồm:

- Thực hiện phổ biến các văn bản QPPL đã được áp dụng từ năm 2022 nhưng có nhiều điểm mới để người nộp thuế (NNT) tiếp cận, hiểu và thực hiện đúng quy định.

- Phổ biến, tuyên truyền văn bản QPPL mới về thuế ban hành trong năm 2023 như: Thông tư 13/2023/TT-BTC hướng dẫn thi hành Nghị định 49/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 209/2013/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định 12/2015/NĐ-CP, Nghị định 100/2016/NĐ-CP và Nghị định 146/2017/NĐ-CP và sửa đổi bổ sung Thông tư 80/2021/TT-BTC,...

- Phổ biến, tuyên truyền văn bản QPPL mới về thuế có hiệu lực thi hành từ năm 2024 và các văn bản QPPL Người nộp thuế, công chức thuế và cộng đồng xã hội quan tâm.

Ngoài ra, tùy theo điều kiện, cơ quan thuế lựa chọn hình thức tuyên truyền, phổ biến phù hợp, hiệu quả như:

- Phổ biến bằng các phương thức điện tử, như: Đăng tải thông tin trên hệ thống trang thông tin điện tử ngành thuế, hệ thống các nền tảng mạng xã hội (Fanpage, Zalo, Facebook...), qua hộp thư điện tử...;

- Phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng: báo giấy, báo điện tử, Đài Truyền hình, Đài phát thanh...;

- Tổ chức hội nghị phổ biến, tập huấn; tổ chức các buổi đối thoại, tọa đàm (trực tiếp hoặc trực tuyến)...;

- Biên soạn, in ấn cấp phát các tài liệu, ấn phẩm, tờ rơi... để giới thiệu, phổ biến văn bản QPPL đến NNT.

- Hướng dẫn NNT tại bộ phận “một cửa” của cơ quan thuế, trả lời vướng mắc của NNT bằng văn bản, trên công thông tin điện tử ngành thuế, qua mục Hỏi - Đáp trên hệ thống Dịch vụ Thuế điện tử (eTax), qua điện thoại...

Xem chi tiết nội dung tại Quyết định 183/QĐ-TCT có hiệu lực từ ngày 07/02/2024.

14. Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải

Ngày 30/01/2024, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quyết định 95/QĐ-BGTVT về Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải. Theo đó, mục đích và yêu cầu của Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải như sau:

*** Mục đích:**

- Thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu của Chính phủ và các cơ quan liên quan được Quốc hội giao tại Điều 3 Nghị quyết 103/2023/QH15 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 được thông qua ngày 09/11/2023 tại kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV;

- Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ, toàn diện, có hiệu quả công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Nghị định 59/2012/NĐ-CP về theo dõi tình hình thi hành pháp luật; Nghị định 32/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2012/NĐ-CP về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

- Xem xét, đánh giá thực trạng thi hành pháp luật trong ngành Giao thông vận tải (GTVT) và lĩnh vực trọng tâm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ GTVT nhằm kịp thời phát hiện, xử lý những sai sót, chưa đầy đủ trong tổ chức thi hành pháp luật, những tồn tại, vướng mắc, bất cập trong các quy định của pháp luật về GTVT, góp phần bảo đảm tính kịp thời, đầy đủ, thống nhất và khả thi trong các quy định của pháp luật; nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật, tăng cường pháp chế trong hoạt động quản lý.

*** Yêu cầu:**

- Thực hiện đầy đủ nguyên tắc, phạm vi trách nhiệm, nội dung và hình thức theo dõi thi hành pháp luật được quy định tại Nghị định 59/2012/NĐ-CP về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và Nghị định 32/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2012/NĐ-CP về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

- Xác định cụ thể nội dung công việc, thời hạn hoàn thành và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ trong việc triển khai thực hiện công việc được giao.

- Bảo đảm sự phối kết hợp chặt chẽ giữa các bộ, ngành, địa phương, các cơ quan, đơn vị có liên quan; huy động sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức, cá nhân trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

Xem chi tiết tại Quyết định 95/QĐ-BGTVT có hiệu lực từ ngày 30/01/2024.

15. Kết luận của Bộ Chính trị về phát triển thể dục, thể thao trong giai đoạn mới

Đây là nội dung tại Kết luận 70-KL/TW ngày 31/01/2024 Kết luận của Bộ Chính trị về phát triển thể dục, thể thao trong giai đoạn mới. Theo đó, để tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị, góp phần nâng cao sức khỏe, xây dựng con người Việt Nam phát triển hài hòa, toàn diện, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ trọng tâm, đơn cử như sau:

- Nâng cao trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, hệ thống chính trị và Nhân dân đối với phát triển sự nghiệp thể dục, thể thao;

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, ứng dụng công nghệ số, tăng cường vai trò của các cơ quan truyền thông đại chúng, xây dựng các kênh truyền thông về thể dục, thể thao nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng hoạt động thể chất, thông tin có liên quan cho Nhân dân.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, sớm ban hành Chiến lược phát triển sự nghiệp thể dục, thể thao đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển sự nghiệp thể dục, thể thao trong giai đoạn mới.

- Thực hiện tốt Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011 - 2030; xây dựng hệ thống chỉ số rèn luyện, đánh giá thể lực con người Việt Nam.

- Đẩy mạnh sắp xếp, chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập thể dục, thể thao theo hướng tự chủ, nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ gắn với chuẩn mực quốc tế.

- Khuyến khích phát triển thể dục, thể thao quần chúng, tạo cơ hội cho mọi người được quyền tham gia hoạt động tập luyện, biểu diễn, thi đấu để nâng cao sức khỏe, phòng bệnh, chữa bệnh, vui chơi, giải trí.

- Đổi mới giáo dục thể chất và thể thao trường học gắn với mục tiêu giáo dục, phát triển toàn diện về đạo đức, tri thức, văn hoá, sức khỏe, thẩm mỹ và kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên, tạo nền tảng để phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu và tài năng trẻ.

- Đẩy mạnh công tác huấn luyện thể lực, nâng cao sức khỏe cho cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang.

- Tập trung phát triển thể thao chuyên nghiệp, thể thao thành tích cao, hoàn thiện hệ thống phát hiện, đào tạo vận động viên, thi đấu thể thao chuyên nghiệp, thể thao thành tích cao trình độ quốc gia, quốc tế, nhất là các môn thể thao Olympic trọng điểm.

- Tăng cường các nguồn lực cho sự nghiệp thể dục, thể thao. Rà soát, hoàn thiện quy hoạch, phát triển mạng lưới thiết chế, cơ sở thể thao đồng bộ, từng bước hiện đại, đạt tiêu chuẩn quốc tế.

Xem chi tiết nội dung tại Kết luận 70-KL/TW ngày 31/01/2024.

III. Những văn bản quy phạm pháp luật được bãi bỏ

1. Bộ Tài chính bãi bỏ 07 Thông tư từ ngày 25/02/2024

Thông tư 02/2024/TT-BTC bãi bỏ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính từ ngày 25/02/2024. Theo đó, bãi bỏ toàn bộ 07 Thông tư sau đây:

- Thông tư 88/2018/TT-BTC quy định một số nội dung về quản lý tài chính đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư và chi phí lựa chọn nhà đầu tư;

- Thông tư 08/2016/TT-BTC quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

- Thông tư 108/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 08/2016/TT-BTC quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

- Thông tư 52/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 08/2016/TT-BTC ; Thông tư 108/2016/TT-BTC;

- Thông tư 107/2018/TT-BTC quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư các dự án đầu tư xây dựng sử dụng nguồn vốn đầu tư công của Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và các cơ quan khác của Việt Nam ở nước ngoài;

- Thông tư 12/2017/TT-BTC hướng dẫn trình tự, thủ tục hỗ trợ vốn đầu tư thiết bị của dự án triển khai ứng dụng sáng chế bảo vệ môi trường;

- Thông tư 180/2014/TT-BTC quy định việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn ứng trước của Tập đoàn Điện lực Việt Nam thực hiện dự án di dân, tái định cư điện hạt nhân Ninh Thuận.

Trên đây là một số quy định mới được các cơ quan nhà nước cấp trên ban hành. Phòng Tư pháp thành phố đề nghị các cơ quan, đơn vị thành phố, UBND các xã, phường quan tâm phối hợp tuyên truyền, thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố;
- Ban Tuyên giáo Thành ủy;
- Thành viên HĐPHPBGPL tp;
- Công Thông tin điện tử tp;
- Trung tâm VH-TT-TT tp;
- Phòng Văn hóa và Thông tin tp;
- UBND các xã, phường;
- Các trường THPT trên địa bàn tp;
- Trường THPT Chuyên Lào Cai;
- Trường THPT Dân tộc nội trú Lào Cai;
- Lưu: VT.(Humg)

TRƯỞNG PHÒNG

Hoàng Văn Phiên